

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2016/2022/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 17 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 2826/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

1. Ông **Phạm Hữu H**, sinh năm 1975;
2. Bà **Nguyễn Lệ Quỳnh A**, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ thường trú và cư trú: Tổ 9, khu phố 2, phường L, Biên Hoà, Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 20 tháng 10 năm 2022, ông H và bà Quỳnh A cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, ông H và bà Quỳnh A thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 09/11/2022. Ông H, bà Quỳnh A cư trú tại thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu của ông H, bà Quỳnh A được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Phạm Hữu H và bà Nguyễn Lệ Quỳnh A chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Biên

Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 129, quyển số 01/2009, ngày 28/5/2009. Ông H và bà Quỳnh A xác định có 02 con chung là cháu Phạm Hữu Gia H, sinh ngày 06/03/2009 và cháu Phạm Bảo Ng, sinh ngày 17/04/2012. Ông H, bà Anh thoả thuận giao cháu H và cháu Ng cho bà Quỳnh A nuôi dưỡng, tạm thời ông H không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông H, bà Quỳnh A tự thoả thuận về tài sản chung và xác định nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình chung sống ông H, bà Quỳnh A thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông H, bà Quỳnh A xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thoả thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy ông H, bà Quỳnh A thực sự tự nguyện ly hôn; sự thoả thuận của ông H, bà Quỳnh A đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con; phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông H, bà Quỳnh A.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Hữu H và bà Nguyễn Lê Quỳnh A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông H, bà Quỳnh A xác định có 02 (hai) con chung là cháu Phạm Hữu Gia H, sinh ngày 06/03/2009 và cháu Phạm Bảo Ng, sinh ngày 17/04/2012. Ông H, bà Anh thoả thuận giao cháu H và cháu Ng cho bà Quỳnh A nuôi dưỡng; tạm thời ông H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H, bà Quỳnh A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông H và bà Quỳnh A tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét

- Về nợ chung: Ông H và bà Quỳnh A xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Hữu H và bà Nguyễn Lê Quỳnh A mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí ông H, bà Quỳnh A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004571 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng

Nai; ông H, bà Quỳnh A đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ